Biểu mẫu 7

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC VIỆT HƯNG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Tiểu học Việt Hưng Năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học/số lớp**	30	1,35 m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		
1	Phòng học kiên cố	30	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	**Số điểm trường lẻ**	0	
IV	**Tổng diện tích đất** (m^2)	12.973	12.8
V	**Diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	10.071	7.9
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	1.554	1
2	Diện tích thư viện (m^2)	108	
3	*Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m^2)*	628	
4	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m^2)*	51.8	
5	*Diện tích phòng ngoại ngữ (m^2)*	108	
6	*Diện tích phòng học tin học (m^2)*	129	
7	*Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m^2)*	43.2	
8	*Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m^2)*	0	
9	*Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m^2)*	43.2	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		

1.1	Khối lớp 1	**6**	**1**
1.2	Khối lớp 2	**5**	**1**
1.3	Khối lớp 3	**6**	**1**
1.4	Khối lớp 4	**6**	**1**
1.5	Khối lớp 5	**6**	**1**
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	**0**	0
2.1	Khối lớp 1	**0**	0
2.2	Khối lớp 2	**0**	0
2.3	Khối lớp 3	**0**	0
2.4	Khối lớp 4	**0**	0
2.5	Khối lớp 5	**0**	0
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	72	
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	4	
2	Cát xét	5	
3	Đầu Video/đầu đĩa	4	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	40	
5	Thiết bị khác...	0	
6	.....		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp, kho**	**01 (159m^2)**
XI	**Nhà ăn**	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	25 phòng, diện tích 1000m^2	Nghỉ trong phòng học	1HS/chỗ
XIII	**Khu nội trú**			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		24		0.3
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGD ĐT của Bộ).*

		Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

Việt Hưng, ngày 08 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN T.P HÀ NỘI
TRƯỜNG TIỂU HỌC VIỆT HƯNG

Nguyễn Thị Thức